

Số: 06/BC-PVHCC&KSTT

Hưng Yên, ngày 22 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động, Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát thủ tục hành chính (Trung tâm) báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng 4 năm 2024, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm

- Hiện tại, số thủ tục hành chính (TTHC) thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm là 1.333 thủ tục (số liệu thường xuyên thay đổi khi UBND tỉnh công bố danh mục TTHC mới ban hành hoặc bãi bỏ, thay thế). Trong đó: 1.295 của 15 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; 38 TTHC của Công an tỉnh và 02 cơ quan Trung ương tổ chức theo hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh.

- Số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần, mức độ toàn trình là 1.260 TTHC, đạt tỷ lệ 94,52% (trong đó: 453 TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ một phần và 807 TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình).

2. Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm

- Trong kỳ, Trung tâm đã nhận mới trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa tỉnh 10.292 hồ sơ (trong đó: 2.169 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp; 8.123 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến), cụ thể như sau:

Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ	TRONG ĐÓ						
	Dịch vụ công khác	Dịch vụ công trực tuyến một phần			Dịch vụ công trực tuyến toàn trình		
		Hồ sơ tiếp nhận	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Hồ sơ tiếp nhận trực tiếp	Hồ sơ tiếp nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Hồ sơ tiếp nhận trực tiếp
10.292	385	599	58	541	9.308	1.726	7.582

- Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến đạt: 78,93%

- Xử lý 13.394 hồ sơ (hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 3.102 hồ sơ; hồ sơ tiếp nhận trong kỳ: 10.292 hồ sơ).

+ Hồ sơ đã giải quyết 9.823 hồ sơ (trong đó: hồ sơ giải quyết đúng và trước thời hạn là 9.804 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,8%; hồ sơ giải quyết quá hạn¹ là 19 hồ sơ, tỷ lệ 0,2%); đã trả 11.089 kết quả giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

+ Hồ sơ đang giải quyết: 3.474 hồ sơ;

+ Hồ sơ đang tạm dừng: 85² hồ sơ;

+ Hồ sơ trả lại do không đủ điều kiện giải quyết: 0 hồ sơ;

+ Hồ sơ đã hủy: 12 hồ sơ;

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

- Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC tại Trung tâm qua hệ thống máy tính bảng trong tháng 4/2024:

Tổng số người tham ra đánh giá (người)	Trong đó					
	Rất hài lòng (người)	Tỷ lệ (%)	Hài lòng (người)	Tỷ lệ (%)	Không hài lòng (người)	Tỷ lệ (%)
660	660	100	0	0	0	0

(Chi tiết tại Phụ lục 2)

- Kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm: 100% sở, ngành có TTHC tại Trung tâm thực hiện nghiêm quy định về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. Tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 95,75%, cụ thể: Trong số 10.292 hồ sơ tiếp nhận có 9.815 hồ sơ số hóa (trong đó có 9.464 hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ đạt tỷ lệ 91,95%); trong số 9.823 hồ sơ đã giải quyết có 9.797 hồ sơ có số hoá kết quả giải quyết, đạt tỷ lệ 99,74%). (Chi tiết tại Phụ lục 3)

- Kết quả thu phí, lệ phí: Trung tâm phối hợp với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) tổ chức thu hộ phí, lệ phí giải quyết TTHC theo mô hình tập trung. Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ có thu phí, lệ phí giải quyết TTHC là 3.980 hồ sơ (trong đó có 2.239 hồ sơ thanh toán trực tuyến (gồm: 974 hồ sơ thanh toán trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; 1.261 hồ sơ chuyển khoản qua Ngân hàng; 04 hồ sơ thanh toán qua Kho bạc, đạt tỷ lệ thanh toán trực tuyến 56,26%); tổng số tiền phí, lệ phí thu được là 1.560.342.000 đồng (trong đó: Phí, lệ phí thực hiện trên Cổng dịch vụ công Quốc gia là: 460.970.000đ; thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến là 509.546.000đ). Trung tâm đã chuyển trả các sở, ngành và nộp Ngân sách nhà nước số tiền phí, lệ phí giải

¹ Sở kế hoạch và Đầu tư 02 hồ sơ; Sở Tài nguyên và Môi trường 05 hồ sơ; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội 01 hồ sơ; Sở Tư pháp 11 hồ sơ.

² Công an tỉnh 85 hồ sơ.

quyết TTHC trên, không có ý kiến khác. (Chi tiết tại Phụ lục 4)

- Kết quả hoạt động dịch vụ Bưu chính công ích theo Quyết định số 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, theo thống kê của Bưu điện tỉnh là 2.435 hồ sơ các cá nhân, tổ chức đăng ký nhận kết quả tại nhà (đã trả 2.390 kết quả giải quyết TTHC).

3. Một số nhiệm vụ khác

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Làm việc với Đoàn đánh giá - Tổ công tác Đề án 06 của Chính phủ về việc kiểm tra, đánh giá, ghi nhận việc thực hiện triển khai sử dụng tài khoản định danh điện tử trên cổng dịch vụ công tại Trung tâm.

- Theo dõi, đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức tại Trung tâm thực hiện nghiêm kỷ luật hành chính, kỷ cương công vụ, văn minh công sở theo Quy chế, Nội quy làm việc của Trung tâm.

- Tiếp tục triển khai thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Văn phòng Chính phủ.

- Tuyên truyền, ứng dụng Hệ thống định danh và xác thực điện tử, đồng thời sử dụng tài khoản định danh điện tử Vneid trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát các TTHC đến hạn giải quyết, kịp thời đôn đốc, các sở, ngành theo quy định; vận hành thiết bị, phần mềm giải quyết công việc, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi có yêu cầu.

- Cập nhật các TTHC của tỉnh đã được chuẩn hóa lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

- Vận hành Tổng đài thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh Hưng Yên nhằm tăng cường cung ứng trực tuyến các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện TTHC theo quy định thông qua hệ thống tổng đài 1022.

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh giao.

II. MỘT SỐ HẠN CHẾ

1. Thực hiện nội quy làm việc tại Trung tâm

Việc chấp hành nội quy hoạt động của Trung tâm cơ bản đã đi vào nề nếp. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng công chức, viên chức mặc trang phục đồng phục, đeo thẻ công chức khi thực hiện nhiệm vụ có lúc còn chưa thực hiện nghiêm.

2. Công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC

- Một bộ phận người dân còn không quan tâm hoặc chưa hiểu biết về lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, do thói quen vẫn đến cơ quan nhà nước để liên hệ trực tiếp thực hiện TTHC.

- Một bộ phận người dân sử dụng số điện thoại đi động không “chính chủ” hoặc chưa có tài khoản định danh mức độ 2, không sử dụng được tài khoản VneID để nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (trong khi thực hiện TTHC trực tuyến yêu cầu bắt buộc số điện thoại chính chủ mới thực hiện được) nên bắt buộc đến Trung tâm để thực hiện TTHC, dẫn đến tình trạng quá tải tại một số sở (Sở Giao thông Vận tải, Tư pháp).

- Một số sở, ngành phải sử dụng dữ liệu chuyên dùng của ngành chủ quản qua phần mềm của các Bộ, ngành Trung ương nhưng chưa có giải pháp kết nối, tích hợp với Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc kết nối chưa ổn định, cán bộ tiếp nhận TTHC phải nhập thông tin cùng lúc trên 02 hệ thống phần mềm nên việc tiếp nhận 01 hồ sơ TTHC mất nhiều thời gian (Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư)

- Số lượng hồ sơ được đánh giá sự hài lòng trong giải quyết TTHC tại Trung tâm còn thấp có 660 lượt đánh giá, đạt tỷ lệ 6.41%. Nguyên nhân do một bộ phận cá nhân, người thực hiện TTHC không quan tâm đến đánh giá sự hài lòng trong giải quyết TTHC tại Trung tâm; một số công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ TTHC chưa hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện đánh giá sự hài lòng; Một số sở (Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tài chính...) có tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến cao nên không có đánh giá trực tiếp; Hệ thống đánh giá khi thực hiện hồ sơ trực tuyến có tỷ lệ đánh giá thấp, thiết bị đánh giá hoạt động chưa hiệu quả. Do đó kết quả đánh giá sự hài lòng trong giải quyết TTHC tại Trung tâm chưa đảm bảo kịp thời, chính xác, khách quan.

3. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của Trung tâm

- Khu vực được quy hoạch Bãi đỗ xe ô tô của Trung tâm đã xuống cấp, thường xuyên bị ngập khi trời mưa, không đảm bảo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp đỗ xe khi giao dịch tại Trung tâm; lán đỗ xe không đủ chỗ đỗ xe máy cho cán bộ, công chức và khách đến giao dịch.

- Trung tâm thiếu phòng làm việc, chưa có kho lưu trữ tài liệu gây hư hỏng, mỗi một và khó tra cứu, cung cấp thông tin cho các cơ quan có liên quan.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Trong thời gian tới, Trung tâm triển khai một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Nghiên cứu triển khai một số mô hình điểm về thực hiện Đề án 06 tại Trung tâm.

2. Tuyên truyền, ứng dụng Hệ thống định danh và xác thực điện tử, đồng thời sử dụng tài khoản định danh điện tử Vneid trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh phục vụ người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp đổi Giấy phép lái xe trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và nhận kết quả tại nhà qua dịch vụ Bưu chính công ích.

3. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống phần mềm một cửa điện tử

của tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Văn phòng Chính phủ; xây dựng Bộ tài liệu hướng dẫn về việc thực hiện lưu trữ hồ sơ TTHC điện tử trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

4. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện xây dựng kho quản lý dữ liệu điện tử hồ sơ TTHC tỉnh Hưng Yên và số hoá kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực.


5. Phối hợp với các đơn vị viễn thông, CNTT trên địa bàn tỉnh triển khai cung cấp một số dịch vụ tại Trung tâm nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC tại Trung tâm.

6. Đẩy mạnh hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tạo tài khoản hoặc sử dụng tài khoản VneiD để nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh và nhận kết quả giải quyết TTHC tại nhà qua dịch vụ bưu chính công ích nhằm tăng cường tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến; phấn đấu năm 2024 đạt trên 70% tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến.

7. Triển khai một số nhiệm vụ để tiếp tục thực hiện tốt việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức đúng quy định; theo dõi, đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức tại Trung tâm thực hiện nghiêm kỷ luật hành chính, kỷ cương công vụ, văn minh công sở theo Quy chế, Nội quy làm việc của Trung tâm; Thực hiện nghiêm, đầy đủ, đúng quy định về niêm yết, công khai, cập nhật thông tin về TTHC thực hiện tại Trung tâm trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống phần mềm một cửa của tỉnh.

8. Rà soát các TTHC sắp đến hạn để đôn đốc các sở, ngành giải quyết đảm bảo đúng thời hạn quy định.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh giao.

Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát thủ tục hành chính trân trọng báo cáo./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ngành có liên quan;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Trung tâm PVHCC&KSTTHC;
- Lưu: VT, HC-TH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Cao Công

BÁO CÁO

Phụ lục 1

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ ngày 16/03/2024 đến ngày 15/04/2024



STT	Tên đơn vị	Hộ sơ tiếp nhận				Hộ sơ đã giải quyết			Hộ sơ chưa giải quyết				Hộ sơ đã trả kết quả giải quyết	Hộ sơ đang tạm dừng	Hộ sơ trả lại do không đủ điều kiện giải quyết	Hộ sơ đã hủy	Tỷ lệ giải quyết đúng hạn %	Tỷ lệ giải quyết quá hạn %	Ghi chú
		Tổng số	Hộ sơ trực tiếp	Hộ sơ nhận		Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn									
				Một phần	Toàn phần						Tổng số	Trong hạn							
1	Sở Thông tin và Truyền thông	17	2	0	0	15	12	12	0	5	5	0	12	0	0	0	100.0%	0.0%	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	282	41	0	36	205	234	232	2	47	47	0	148	0	0	1	99.1%	0.9%	
3	Sở Y Tế tỉnh Hưng Yên	306	74	13	98	121	133	133	0	173	173	0	92	0	0	0	100.0%	0.0%	
4	Sở Giao thông Vận tải	3.736	967	1.313	0	1.456	2.767	2.767	0	962	962	0	4.743	0	0	7	100.0%	0.0%	
5	Sở Nội Vụ	34	8	0	0	26	26	26	0	8	8	0	0	0	0	0	100.0%	0.0%	
6	Sở Tài chính	10	0	0	0	10	10	10	0	0	0	0	26	0	0	0	100.0%	0.0%	
7	Sở Tài Nguyên Môi Trường	1.813	730	9	50	1.024	539	534	5	1.273	1.272	1	366	0	0	1	99.1%	0.9%	
8	Sở Công thương	3.172	11	3	5	3.153	3.163	3.163	0	9	9	0	3.079	0	0	0	100.0%	0.0%	
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	196	14	0	7	175	185	185	0	11	11	0	183	0	0	0	100.0%	0.0%	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	53	2	0	37	14	50	50	0	3	3	0	52	0	0	0	100.0%	0.0%	
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	778	152	170	257	199	537	536	1	238	238	0	329	0	0	3	99.8%	0.2%	
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	107	9	2	33	63	89	89	0	18	18	0	90	0	0	0	100.0%	0.0%	
13	Sở Tư pháp	2.307	842	382	0	1.083	1.654	1.643	11	653	604	49	1.491	0	0	0	99.3%	0.7%	
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	31	2	0	12	17	25	25	0	6	6	0	8	0	0	0	100.0%	0.0%	
15	Sở Xây dựng	37	10	0	7	20	21	21	0	16	16	0	14	0	0	0	100.0%	0.0%	
16	Điện Lực Hưng Yên	30	1	29	0	0	25	25	0	5	4	1	30	0	0	0	100.0%	0.0%	
17	Bảo hiểm xã hội	13	0	13	0	0	13	13	0	0	0	0	10	0	0	0	100.0%	0.0%	
18	Công An Tỉnh	472	237	235	0	0	340	340	0	47	47	0	416	85	0	0	100.0%	0.0%	
TỔNG CỘNG		13.394	3.102	2.169	542	7.581	9.823	9.804	19	3.474	3.423	51	11.089	85	0	12	99.8%	0.2%	

Lưu ý: Hồ sơ TTHC của Công an tỉnh thực hiện tại Trung tâm được giải quyết trực tuyến trên Hệ thống phần mềm chuyên ngành và nhập lại trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để theo dõi, giám sát và thu phí, lệ phí nên không có tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến

STT	Đơn vị	Họ và tên	Số lượng hồ sơ tiếp	Tổng số hồ sơ		Kết quả đánh giá hài lòng						
				Số đánh giá hài lòng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng
17	Sở Thông tin và Truyền thông	Nguyễn Thị Ngọc Anh	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Sở Tài Nguyên Môi Trường	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1071	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Sở Tài Nguyên Môi Trường	Ta Hữu Hạnh	16	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Sở Tài chính	Trần Thị Chung	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Sở Tư pháp	Đào Thị Nguyễn	800	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Sở Tư pháp	Đỗ Xuân Nam	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Sở Tư pháp	Đỗ Xuân Nam	732	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nguyễn Thị Việt	30	1	3,3	1	100	0	0	0	0	0
25	Sở Xây dựng	Nguyễn Thị Thuộc	27	8	29,6	8	100	0	0	0	0	0
26	Sở Y Tế tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Trung Kiên	27	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Sở Y Tế tỉnh Hưng Yên	Đỗ Thị Ngọc	129	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Điện Lực Hưng Yên	Đào Thị Ngọc Yên	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Điện Lực Hưng Yên	Dặng Thị Vui	18	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng			10292	660	6,41%	660	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	

THỐNG KÊ TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỐ HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Từ ngày 16 tháng 03 năm 2024 đến ngày 15 tháng 04 năm 2024)

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận							Số hồ sơ kết quả giải quyết TTHC				Tỷ lệ số hoá hồ sơ
		Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hồ sơ chưa hoá TP/HS	Số hồ sơ có số hoá thành phần HS	Số hồ sơ hoá đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ chưa số hoá kết quả TTHC	Số hồ sơ có số hoá kết quả	Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ	Tỷ lệ số hoá hồ sơ		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)	(10)=(4+8)/(1+6)		
1	Sở Thông tin và Truyền thông	15	0	15	15	100,00%	12	0	12	100,00%	100,00%		
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	241	23	218	144	59,75%	234	0	234	100,00%	79,58%		
3	Sở Y Tế tỉnh Hưng Yên	232	0	232	194	83,62%	133	0	133	100,00%	89,59%		
4	Sở Giao thông Vận tải	2.769	210	2.559	2.272	82,05%	2767	0	2767	100,00%	91,02%		
5	Sở Nội Vụ	26	0	26	24	92,31%	26	0	26	100,00%	96,15%		
6	Sở Tài chính	10	0	10	10	100,00%	10	0	10	100,00%	100,00%		
7	Sở Tài Nguyên Môi Trường	1.083	4	1.079	941	86,89%	539	25	514	95,36%	89,70%		
8	Sở Công thương	3.161	1	3.160	3.160	99,97%	3163	0	3163	100,00%	99,98%		
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	182	0	182	182	100,00%	185	1	184	99,46%	99,73%		
10	Sở Khoa học và Công nghệ	51	0	51	51	100,00%	50	0	50	100,00%	100,00%		
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	626	2	624	603	96,33%	537	0	537	100,00%	98,02%		
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	98	0	98	93	94,90%	89	0	89	100,00%	97,33%		
13	Sở Tư pháp	1.465	1	1.464	1.445	98,63%	1654	0	1654	100,00%	99,36%		
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	29	0	29	29	100,00%	25	0	25	100,00%	100,00%		
15	Sở Xây dựng	27	0	27	26	96,30%	21	0	21	100,00%	97,92%		
21	Điện Lực Hưng Yên	29	1	28	27	93,10%	25	0	25	100,00%	96,30%		
22	Bảo hiểm xã hội	13	0	13	13	100,00%	13	0	13	100,00%	100,00%		
23	Công An Tỉnh	235	235	0	235	100,00%	340	0	340	100,00%	100,00%		
	Tổng số	10.292	477	9.815	9.464	91,95%	9823	26	9797	99,74%	95,75%		

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU PHÍ, LỆ PHÍ

Từ ngày 16/03/2024 đến ngày 15/04/2024

STT	Cơ quan	Số lượng hồ sơ có thu phí, lệ phí	Số phát sinh		Tổng cộng	DVCQG		Số chuyển khoản		Ghi chú
			Phí	Lệ phí		Phí	Lệ phí	Phí	Lệ phí	
1	2	3	5	6	7=5+6	8	9	10	11	15
1	Bảo hiểm xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Công An Tỉnh	143	0	8.530.000	8.530.000	0	0	0	850.000	
3	Sở Công thương	13	12.650.000	0	12.650.000	1.900.000	0	2.850.000	0	
4	Sở Giao thông Vận tải	2.631	64.170.000	312.665.000	376.835.000	10.520.000	63.380.000	14.160.000	125.680.000	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	3	500.000	120.000	620.000	500.000	120.000	0	0	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	10	31.925.000	1.500.000	33.425.000	31.925.000	1.500.000	0	0	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	107	9.100.000	5.300.000	14.400.000	3.000.000	2.100.000	1.500.000	850.000	
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	142	0	77.550.000	77.550.000	0	15.900.000	0	40.800.000	
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	70	13.350.000	4.425.000	17.775.000	13.050.000	4.375.000	300.000	0	
10	Sở Nội Vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	Sở Thông tin và Truyền thông	13	1.080.000	400.000	1.480.000	180.000	350.000	780.000	50.000	
12	Sở Tài chính	0	0	0	0	0	0	0	0	
13	Sở Tài Nguyên Môi Trường	84	376.200.000	2.715.000	378.915.000	5.050.000	325.000	217.200.000	1.055.000	
14	Sở Tư pháp	1.486	297.260.000	0	297.260.000	117.755.000	0	59.005.000	0	
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9	13.550.000	0	13.550.000	13.550.000	0	0	0	
16	Sở Xây dựng	15	113.652.000	1.980.000	115.632.000	0	870.000	31.016.000	0	
17	Sở Y Tế tỉnh Hưng Yên	198	211.720.000	0	211.720.000	174.620.000	0	13.450.000	0	
18	Điện Lực Hưng Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng cộng		4.924	1.145.157.000	415.185.000	1.560.342.000	372.050.000	88.920.000	340.261.000	169.285.000	